TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁI THỤY** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2019/HNGĐ-ST
Ngày 11/11/2019
V/v: Xin ly hôn N – C

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đào Thị Xuân Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hạnh và bà Phạm Hồng Thiêm

- Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Hảo - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoàn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 247/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2019 về việc xin ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đinh Thị N, sinh năm 1990; ĐKHK: Thôn H, xã T, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Bị đơn: Anh Đào Văn C, sinh năm 1972; Địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

(Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt, anh C vắng mặt lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 9 năm 2019 và tại bản tự khai ngày 13 tháng 9 năm 2019, nguyên đơn chị Đinh Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đào Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 25 ngày 15/11/2016. Tại thời điểm kết hôn, anh chị đủ điều kiện kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh C, chị N sống tại thôn K, xã T, huyện Thái Thụy, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn, đến tháng 04 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chênh lệch tuổi tác, bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong việc xây dựng gia đình, hay xảy ra cãi cọ. Chị và anh C đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng không thành, anh chị đã sống ly thân từ đầu tháng 5 năm 2017. Đến nay, chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, không quan tâm đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, chị N làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Về con chung: Chị N và anh C không có con chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh C nhiều lần, tuy nhiên anh C không đến Tòa án làm việc. Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy đã tiến hành tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật các văn bản tố tụng cho anh Đào Văn C ở gia đình tại thôn K, xã T, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, anh C đã biết được nội dung của những văn bản của Tòa án tuy nhiên từ chối không nhận văn bản, không ký xác nhận vào văn bản của Tòa án. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại biên bản xác minh ngày 03/10/2019, Ủy ban nhân dân xã T, huyện Thái Thụy và cơ sở thôn cung cấp như sau:

Anh Đào Văn C, sinh ngày 12/02/1972 có hộ khẩu thường trú tại thôn K, xã T, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, số chứng minh nhân dân 151257539 do Công an tỉnh Thái Bình cấp ngày 21/3/1996, là công dân của xã T được xác định là bị đơn trong vụ án xin ly hôn với chị Đinh Thị N mà Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy đang thụ lý giải quyết. Hiện nay anh C vẫn đang sinh sống và lao động tại địa phương. Anh C và chị N có tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 25 ngày 15/11/2016. Sau khi kết hôn, anh C và chị N chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì chị N bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống, theo thông tin địa phương được biết vợ chồng anh C, chị N có xảy ra tình trạng đánh cãi nhau, nguyên nhân mâu thuẫn do chênh lệch tuổi tác, còn nguyên nhân mâu thuẫn nào khác nữa thì địa phương không nắm được, cơ sở thôn đã hòa giải để hàn gắn hôn nhân nhưng chị N vẫn kiên quyết bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xã T sinh sống. Quan điểm của Ủy ban nhân dân xã T về việc chị N xin ly hôn anh C là đề nghị Tòa án hòa giải để hai vợ chồng đoàn tụ, còn trong trường hợp mâu thuẫn đã quá trầm trọng vì các bên đương sự đã sống ly thân từ lâu và các bên đương sự kiên quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Theo thông tin địa phương nắm được chị Ng và anh C trong thời gian chung sống không có con chung. Về tài sản chung, nợ chung: địa phương không quản lý được do anh chị chung sống với nhau chỉ được 04 – 05 tháng, hiện nay không có thông tin phản ánh tại địa phương về việc anh C và chị N có vay nợ tổ chức, cá nhân nào.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ theo đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xử cho chị Đinh Thị N được ly hôn anh Đào Văn C; Về quan hệ con chung: Chị N và anh C không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị N không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết. Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa cà căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã T, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, hiện nay anh C đang sinh sống và lao động tại địa phương, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không thay đổi nơi cư trú vì vậy đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, chị Đinh Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Đào Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các bên đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Đào Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 25 ngày 15/11/2016. Tại thời điểm kết hôn, anh chị đủ điều kiện kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn,vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn, đến tháng 04 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chênh lệch tuổi tác, bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong việc xây dựng gia đình, hay xảy ra cãi cọ. Chị N và anh C đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng không thành, anh chị đã sống ly thân từ đầu tháng 5 năm 2017, không ai quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng không còn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành gửi các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật cho anh C, anh C đã biết được việc chị N xin ly hôn anh nhưng anh C không đưa ra quan điểm, nguyện vọng giải quyết các mối quan hệ để hàn gắn quan hệ hôn nhân với chị N. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh C đã ở mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N để vợ chồng đoàn tụ cũng không thành và sẽ làm cho mâu thuẫn thêm trầm trọng. Nay chị N cương quyết xin được ly hôn anh C, cần xử cho chị N được ly hôn anh C là phù hợp với quy định tại điều 51, 53 và 56 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về quan hệ con chung: Chị N và anh C không có con chung nên chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Chị N phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị N và anh C có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, Khoản1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 271,

273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đinh Thị N được ly hôn anh Đào Văn C.

2. Về con chung: Không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đinh Thị N phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000đ chị N đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001965 ngày 13/9/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy sang thi hành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *Các đương sự*
- *VKSND huyện Thái Thụy;*
- *VKSND tỉnh Thái Bình;*
- *TAND tỉnh Thái Bình;*
- *Chi cục THADS huyện Thái Thụy;*
- *UBND xã Thái Thuần.*
- *Lưu HCTP*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đào Thị Xuân Quỳnh